TÒA ÁN NHÀÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNHÀ THÁI NGUYÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnhà phúc**

Bản án số: 20 /2020/HS-ST
Ngày 26 - 05 -2020

NHÀÂN DANHÀ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÀÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNHÀ THÁI NGUYÊN

- ***Thànhà phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhàân dân: 1. Ông Vũ Văn Mác

2. Ông Nguyễn Kim Quyết.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lưu Mạnhà Hùng, Thẩm tra viên Tòa án nhàân dân huyện Đ.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhàân dân tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhàân dân huyện Đ, tỉnhà Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hìnhà sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS, ngày 01 tháng 04 năm 2020 theo Quyết địnhà đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 04 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lô Văn H, sinhà ngày 12/02/1974. Tên gọi khác: Không, giới tínhà; Nam; Nơi sinhà: Thái Nguyên; Nơi cư trú: xóm L (nay là xóm B), xã V, huyện Đ, tỉnhà Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không ; Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lô Văn T, sinhà năm 1932 (đã chết); Con bà: Triệu Thị T1, sinhà năm 1941; Vợ: Triệu Thị H1, sinhà năm 1979; Con: có 04 con, con lớn nhàất sinhà năm 1996, con nhỏ sinhà năm 2005; Gia đình có 10 anhà, em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2019, đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NHÀ giữ Công an huyện Đ. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phạm Ngọc khuê – Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnhà Thái Nguyên. (Có mặt)

*** Ng□ời bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị T2, sinhà năm 1968. (*Có mặt*)
- Anhà Phạm Văn D, sinhà năm 1976. (*Có mặt)*

Đều trú tại: Xóm B, xã V, huyện Đ, Thái Nguyên.

*** Ng□ời làm chứng:**

1. Anhà Nguyễn Văn T3, sinhà năm 1984 (*Vắng mặt*)
2. Anhà Hoàng Văn K, sinhà năm 1983 (*Vắng mặt)*

Đều trú tại : Xóm V1, xã V, huyện Đ, Thái Nguyên.

3. Chị Triệu Thị H2, sinhà năm 1979 (*Có mặt*)

4. Anhà Lô văn H3, sinhà năm 1999 (*Có mặt)*

5. Ông Nguyễn Văn Đ, sinhà năm 1960(*Có mặt)*

6. Anhà Lô Văn T4, sinhà năm 1974. (*Có mặt)*

7. Chị Lô Thị Nam, sinhà năm 1976. (*Có mặt)*

8. Anhà Lô Văn Đ1, sinhà năm 1985. (*Vắng mặt)*

Đều trú tại : Xóm B, xã V, huyện Đ, Thái Nguyên.

9. Anhà Phạm Văn S. Sinhà năm 1984 (*Vắng mặt)*

Trú tại : Xóm L, xã V, huyện Đ, Thái Nguyên.

10. Anhà Phạm Văn T5, sinhà năm 1979 (*Vắng mặt)*

Trú tại : Xóm Phả Lý, xã V, huyện Đ, Thái Nguyên.

11. Anhà Nguyễn Lê PH, sinhà năm 1980 (*Vắng mặt)*

12. Ông Nguyễn Văn Thái, sinhà năm 1965 (*Vắng mặt)*

Đều trú tại : Xóm LH, xã V, huyện Đ, Thái Nguyên.

13. Ông Trần Văn Đ, sinhà năm 1958 (*Vắng mặt)*

Trú tại : Tổ 5, Thị trấn Trại Cau, huyện Đ, Thái Nguyên.

14. Chị Phạm Thanhà N, inhà năm 1988 (*Vắng mặt)*

Trú tại : Tổ dân phố P, thị trấn Đ2, huyện P1, Thái Nguyên.

15.Chị Nguyễn Thanhà N1, sinhà năm 1992(*Vắng mặt)*

Trú tại : Xóm P, xã H, huyện Đ, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt nhàư sau:

Năm 2012, Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên phê duyệt cấp phép khai thác rừng trồng khoán cho bà Nguyễn Thị T2 (sinhà năm 1968, trú tại xóm L (nay là xóm B), xã V, huyện Đ, tỉnhà thái Nguyên) và anhà Phạm Văn D (sinhà năm 1976 trú tại xóm B, xã V, huyện Đ). Sau khi giao khoán thì bà T2 và anhà D phải chịu trách nhàiệm trồng, quản lý và bảo vệ rừng. Khi rừng cây đủ tuổi thì phải có trách nhàiệm thanhà lý hợp đồng cho công ty lâm nghiệp Thái Nguyên.

Khoảng cuối tháng 11 năm 2018, anhà Phạm Văn D thu hoạch, bán gỗ nhà1 khi xe ô tô chở gỗ đi qua đoạn đường liên xóm La Củm (B) đi xóm Hòa Khê 2 thì bị Lô Văn H chặn không cho xe đi và yêu cầu anhà D phải đưa cho H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), với lý do đoạn đường này là do H mở từ năm 1996 anhà D chưa đóng góp tiền làm đường cho H nên H không cho xe chở gỗ đi qua. H có bảo con trai là Lô Văn H1 (sinhà năm 1999) chặn xe của anhà D nếu thấy xe đi qua nhà1 không nói mục đích chặn xe làm gì và H1 cũng không biết việc H chặn xe của D để thu tiền đường. H1chặn xe của D chỉ bảo với D chờ bố cháu về giải quyết, sau khi D hỏi bố đâu và biết H không có nhà nên D đã bảo H1 cho chú đi qua lần sau chú vào nói chuyện với bố sau, sau đó H1 về nhà. Đến sáng ngày 27/11/2018, H đi đám cưới nên đã dặn H1 ở nhà thấy xe chở gỗ nhà D đi qua thì chặn lại không cho đi chờ bố về giải quyết, sau đó H1 lấy dao quắm và cọc gỗ mang lên đường cắm cọc, chặn cây tre ngang đường, chỉ để vừa xe máy đi qua, ô tô không qua được.

Đến khoảng hơn 8 giờ sáng cùng ngày, anh D tiếp tục cho xe chở gỗ vào rừng khai thác đến đoạn gần nhà Lô Văn H thì thấy bị cắm cọc và cây tre chắn ở đường, H1 chạy ra nói là đợi bố cháu về giải quyết và thấy chị Lô Thị N (sinh năm 1976, trú tại xóm B, xã V, Huyện Đ) đứng ở đấy, một lúc sau Lô Văn H đi đám cưới về và ra chỗ chặn xe nói với anhà D "*Đây là đường tao ủi, phải có 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thì mới cho xe đi qua*". Trước sự việc trên, anh D đã báo chínhà quyền xóm là ông Nguyễn Văn Đ (sinhà năm 1960, trú tại xóm B, xã V, huyện Đ) là bí thư chi bộ xóm và cán bộ Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên là anh Nguyễn Văn Th (sinh năm 1965, trú tại xóm Làng Hỏa, xã V, huyện Đ) tại đây mọi người đã giải thích, can ngăn việc H chặn đường để thu tiền là sai nhưng H không nghe và kiên quyết không cho xe đi qua. Do lo sợ số cây gỗ chặt xuống không vận chuyển để bán được gây thiệt hại về kinhà tế nên anhà D đã bắt buộc phải đưa cho H 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để được tiếp tục đi qua.

Đến tháng 8 năm 2019, bà Nguyễn Thị T2 bán rừng cho anhà Nguyễn Tiến T7 (sinhà năm 1984, trú tại xóm Vân Hán, xã V, huyện Đ), sau đó anhà T7 lại bán lại cho chị Nguyễn Thanh N (sinhà năm 1982, trú tại xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnhà Thái Nguyên). Sáng ngày 07/8/2019, chị N bắt đầu cho xe vào rừng để khai thác gỗ và vận chuyển mang đi tiêu thụ, khi xe chở gỗ đi ra qua đường liên xóm B – HK thì bị Lô Văn H chặn đường không cho đi qua, lái xe là anhà Hoàng Văn K(sinhnăm 1983, trú tại xóm Vân Hán, xã V) gọi điện cho anh T7 đến để nói chuyện với H thì H cho đi qua. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày sau khi bốc gỗ xong, anhà K lái xe gỗ đi ra đến ngã ba xóm B thì thấy H đang dùng xà beng đào 01 hố kích thước 0,85 mét x 01 mét, nhằm mục đích chặn không cho xe chở gỗ của rừng nhà bà T2 qua, cũng với lý do đường này là do gia đình H mở từ năm 1996, bà T2 chưa đóng góp tiền làm đường nên H không cho xe chở gỗ đi qua. Sau khi sự việc xảy ra đại diện chính quyền địa phương và đại diện xóm B cùng đại diện Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên đã vào làm việc và giải thích cho Lô Văn H và lập biên bản sự việc nhưng H không đồng ý, không ký tên, H còn yêu cầu bên mua rừng của bà T2 phải nộp 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và bà T2 phải nộp 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tổng là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) thì H mới cho xe chở gỗ đi qua. Sau đó mọi người nói với H để cho xe đi qua vì xe đang chở gỗ ra rồi, sau này thế nào tính tiếp thì H đồng ý cho xe đi. Mọi người nhà máy xúc ở gần đó lấy đất bên tả ly đường để lấp chỗ hố mà H đã đào để xe đi qua.

Đến khoảng 8 giờ ngày 11/8/2019, anh Phạm Văn S (sinh năm 1984, trú tại xóm L, xã V) lái xe của chị N vào rừng của bà T2 để khai thác gỗ, H lại tiếp tục chặn đường không cho xe chở gỗ đi qua, anh Sơn gọi điện cho anh T7 báo xe bị chặn không đi được, nên anh T7 đã gọi điện thoại cho bà T2 để bà T2 giải quyết. Bà T2 đã ra nhà H để nói chuyện vì sợ việc H cứ chặn xe như thế sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ khai thác gỗ gây thiệt hại kinh tế cho gia đình nhưng H không đồng ý, không cho xe đi qua nên bà T2 buộc phải đưa cho H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). H đồng ý nhận sau đó H nhờ chị Phạm Thanh N (sinh năm 1988, trú tại

thị trấn Đ, huyện p) viết giấy giao nhận tiền, viết xong H và bà T2 cùng ký tên, có chữ ký của người làm chứng là ông Nguyễn Tiến T7 và ông Lô Văn TR.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 26/8/2019 nơi xảy ra sự việc Lô Văn H đào đường chặn xe gỗ là đoạn đường liên xóm có hướng đi xóm B đi HK, thuộc xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vị trí H đào đường cách ngã ba hướng đi ra nhà Lô Văn H 30 mét, có kích thước hố là 0,85 mét x 01 mét.

Tại biên bản làm việc ngày 26/8/2019 với UBND xã V, ngày 20/9/2019 với UBND huyện Đ xác địnhà: Tuyến đường liên xóm B – HK là đường thuộc hệ thống giao thông xã V, UBND xã V giao cho xóm B, xã V duy tu, sửa chữa nhiều năm, đường này nằm trong tờ bản đồ địa chính số 163 và 164 thuộc bản đồ địa chính xã V và không nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình Lô Văn H.

Về phần trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T2 và anh Phạm Văn D yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã phải nộp mà bị cáo đã nhận bà T2 là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và anh Phạm Văn D 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSĐH ngày 30/03/2020 của Viện kiểm sát nhàân dân huyện Đ đã truy tố Lô Văn H về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản". Do đó,Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo thể hiện qua bản cáo trạng và đề nghị mức hình phạt nh- sau: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lô Văn H phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170 BLHS; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại. Bị cáo H phải trả cho bà T2 là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và anh Phạm Văn D 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Được chuyển từ số tiền bồi thường đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ sang.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Trong phần tranh luận, luật sư Phạm Ngọc K, cộng tác viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên trình bày bào chữa cho bị cáo:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thì hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cơ bản là đúng người, đúng tội. Bị cáo phạm tội do một phần nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo là dân tộc thiểu số sống tại vùng đặc biệt khó khăn. Đối với tình tiết tăng nặng theo

điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là chưa chínhà xác bởi khi thực hiện hành vi tháng 11 năm 2018 với anh D thi khi đó phần đất mà bị cáo làm đường vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình bị cáo, sau đó gia đình bị cáo mới hiến đất cho xóm, xã mở rộng đường nên bị cáo phải chịu tình tiết phạm tội với nhiều người là chưa đúng. Từ căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s, h, m khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hìnhà sự cho bị cáo hưởng mức án từ 10 đến 12 tháng tù là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Bởi,theo bản bản làm việc với xã V, Phòng kinh tế hạ tầng huyện Đ có trong hồ sơ vụ án thể hiện phần đất nơi xảy ra sự việc Lô Văn H đào đường chặn xe gỗ là đoạn đường liên xóm có hướng đi xóm B là đường thuộc hệ thống giao thông xã V, UBND xã V giao cho xóm B duy tu, sửa chữa nhiều năm, đường này nằm trong tờ bản đồ địa chính số 163 và 164 thuộc bản đồ địa chính xã V. Về tình tiết giảm nhẹ giá trị chiếm đoạt không lớn, phạm tội do lạc hậu theo điểm h, m khoản 1 Điều 51 BLHS thấy bị cáo chiếm đoạt số tiền lớn và khi xảy ra sự việc xóm, xã đã yêu cầu bị cáo chấm dứt hành vi cản trở nhà1 bị cáo vẫn cố tình phạm tội nên không có căn cứ là do lạc hậu.

Trong lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và bị truy tố, xét xử là không oan, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra, xét hỏi, tranhà luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên,Viện kiểm sát huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm tài liệu chứng cứ tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Lô Văn H thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai nhàận tội của bị cáo là khách quan phù hợp với vật chứng, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nhàư vậy có đủ căn cứ xác định:

Ngày 27/11/2018 tại đoạn đường liên xóm B – Hk thuộc xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên do ủy ban nhàân dân xã V quản lý Lô Văn H đã cắm cọc, chặn xe chở gỗ của gia đình anhà Phạm Văn D để bắt buộc anhà D phải đưa cho H số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Đến ngày 11/8/2019, cũng tại Đ1 đường trên Lô Văn H đã đào đường chặn xe chở gỗ của gia đình bà Nguyễn Thị T2 để bắt buộc bà T2 phải đưa cho H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Với hànhà vi nêu trên bị cáo bị truy tố về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy địnhà tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 170 Bộ luật hình sự quy địnhà:

"1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinhà thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"...

2. ...

Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra theo điều luật nói trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có thủ đoạn khác nhàu đào hố, chặn xe ô tô vận chuyển gỗ để uy hiếp tinh thần, buộc người bị hại phải thực hiện yêu cầu nhằm chiếm đoạt tài sản của ng- ời khác, gây mất trật tự trị an ở địa ph- ơng, nên phải đ- a ra xét xử để cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Cần phải cách ly bị cáo một thời gian nhất định .

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhàân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân : Khi phạm tội bị cáo có nhàân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, thiếu hiểu biết pháp luật lên nhất thời phạm tội. Khi quyết định hình phạt HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Thể hiện chính sách nhân đạo và khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, đây là nhữngtình tiết giảm nhẹ đ- ợc quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy địnhà tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định, sống vùng đặc biệt khó khăn do đó cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại bà Nguyễn Thị T2 và anhà Phạm Văn D yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã phải nộp mà bị cáo đã nhận bà T2 là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và anh D 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) bị cáo nhất trí trả và đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường cho bà T2, anh D tại Chi cục thi hánh án dân sự. Xét việc thỏa thuận giữa bị cáo với người bị hại là tự

nguyện Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại. Bị cáo H phải trả cho chị Nguyễn Thị T2 số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) trả cho anhà Phạm Văn D số tiền là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

[8] Trong vụ án này còn có Lô Văn H1 (là con trai H) có hành vi giúp bị cáo H ra chặn xe của anh Phạm Văn D. Tuy nhiên H1 không biết mục đích của H chặn xe là để lấy tiền của D. Do đó hành vi của H1 không cấu thành tội phạm.

Xét lời đề nghị của luật sư Phạm Ngọc K, cộng tác viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhàận giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy địnhà của pháp luật.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lô Văn H phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lô Văn H 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời hạn tù tínhà từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 18/10/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

2.Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại. Bị cáo Lô Văn H phải trả cho chị Nguyễn Thị T2 số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), trả cho anh Phạm Văn D số tiền là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Được trừ vào số tiền bồi thường gia đình bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002424 và biên lai thu tiền số 0002425 ngày 04/ 05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhậận*:**
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện Đ;
- T.H.A DS huyện Đ;
- UBND xã V;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Tuấn

***Nơi nhận*:**

- TAND tỉnhà Thái Nguyên;
- VKSND tỉnhà, huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- T.H.A DS huyện Đ;
- Bị cáo; người bị hại, NĐ dân sự;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang T5